

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H.N  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/DS-ST  
Ngày: 17-12-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H.N, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí D.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn D.

Ông Nguyễn Đức T.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị H là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thái H - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H.N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2020/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Đỗ Nguyễn T T, sinh năm 1968.

Cư trú tại: ấp T.P, xã P.L, huyện P.T, tỉnh An Giang.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Lý Lệ H, sinh năm 1960; Cư trú tại: ấp T.P, xã P.L, huyện P.T, tỉnh An Giang là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 17/9/2020).

**- Bị đơn:** Bà Huỳnh T P, sinh năm 1954.

Cư trú tại: ấp P.L B, xã P.T B, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Bà Huỳnh Thị T T, sinh năm 1973; Cư trú tại: ấp M.H I, xã T.T, huyện P.T, tỉnh An Giang là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 12/8/2020).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lý L H, sinh năm 1960.

Cư trú tại: ấp T.P, xã P.L, huyện P.T, tỉnh An Giang.

2. Bà Lý P L, sinh năm 1971.

Cư trú tại: ấp P.L B, xã P.T B, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

3. Anh Nguyễn V Đ (N), sinh năm 1982.

Cư trú tại: ấp L.T, xã L.T, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

*(Bà H, bà T T có mặt tại phiên tòa, bà L, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà Lý L H cũng là người đại diện của nguyên đơn bà Đỗ Nguyễn T T trình bày: vào ngày 03/10/2019 âl, bà Huỳnh Thị P vay của bà T T 200.000.000 đồng có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận riêng 1%/tháng, thỏa thuận ngày 03/12/2019 âl trả lại tiền vốn, tiền lãi trả hàng tháng, hết thời hạn thỏa thuận bà P không trả lại 200.000.000 đồng, bà T T nhiều lần yêu cầu trả tiền bà P không thực hiện. Nay bà T T yêu cầu bà P trả 200.000.000 đồng và tiền lãi 12.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà H cũng là người đại diện của bà T T thay đổi yêu cầu bà P trả 200.000.000 đồng tiền vay còn nợ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Huỳnh T P do bà Huỳnh Thị T T đại diện trình bày: vào ngày 03/10/2017 âl, bà P vay của bà T T 200.000.000 đồng, có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận riêng bên ngoài 3%/tháng, bà P trả tiền lãi cho bà T T mỗi tháng 6.000.000 đồng, bà P đưa tiền lãi cho bà Lý Phượng L gửi cho bà T T và bà P nhờ anh Nguyễn Văn Đ (N) đưa 6.000.000 đồng cho bà Lý Phượng L để gửi cho bà T T, bà P trả tiền lãi từ ngày 03/10/2017 âl đến ngày 03/4/2020 âl thì ngưng, đến nay bà P chưa trả tiền vay 200.000.000 đồng cho bà T T. Biên bản hòa giải ngày 19/8/2020 bà P thống nhất trả cho bà T T 200.000.000 đồng, ngày 25/8/2020 bà P thay đổi biên bản hòa giải thành yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật, biên bản hòa giải ngày 08/10/2020 bà P thống nhất trả cho bà T T 200.000.000 đồng, hiện nay hoàn cảnh khó khăn xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, không đồng ý thì giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa bà T T đại diện cho bà P thống nhất trả cho bà T T 200.000.000 đồng, xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, không đồng ý thì giải quyết theo quy định, còn tiền lãi từ khi vay đã trả cho bà T T không yêu cầu tính lại, vay tiền phải có lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lý Phượng L trình bày: từ năm 2017 đến năm 2020 bà không có nhận mỗi tháng 6.000.000 đồng của bà P gửi cho bà T T, không có nhận 6.000.000 đồng của anh Đ gửi cho bà T T. Việc tranh chấp giữa bà T T với bà P không liên quan đến bà và không có yêu cầu gì.

Anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh không nhớ ngày tháng năm bà P nhờ anh gửi 6.000.000 đồng cho bà L nhưng không biết tiền gì. Việc tranh chấp giữa bà T T với bà P không liên quan đến anh và không có yêu cầu gì.

Bà Lý Lệ H trình bày: Bà P gửi 02 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng, đưa cho bà T T, bà T T đại diện cho bà P trình bày không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát: từ khi thụ lý đến xét xử vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của những người tham gia tố tụng, bảo đảm đúng thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà T T do bà H đại diện, buộc bà P trả cho bà T T 200.000.000 đồng tiền vay còn nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà L, anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên việc xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà T T yêu cầu bà P trả tiền vay còn nợ. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Nội dung tranh chấp: Bà T T khởi kiện yêu cầu bà P trả 200.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi 12.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà H đại diện cho bà T T thay đổi yêu cầu bà P trả 200.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu phù hợp với khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Bà T T và bà P xác lập giao dịch vay tiền với nhau, bà T T cho bà P vay 200.000.000 đồng, bà P có làm biên nhận vào ngày 03/10/2019 âl, bà P cũng thừa nhận còn nợ bà T T 200.000.000 đồng, từ khi vay tiền đến nay chưa trả lại 200.000.000 đồng cho bà T T.

[5] Bà P trình bày vay tiền của bà T T vào ngày 03/10/2017 âl, lãi suất 3%/tháng và trả tiền lãi từ ngày 03/10/2017 âl đến ngày 03/4/2020 âl thì ngưng. Khi trả tiền lãi gửi cho bà L đưa cho bà T T và nhờ anh Đ gửi cho bà L để đưa cho bà T T. Việc trình bày của bà chưa có cơ sở và không được bà L thừa nhận, bà không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh mà chỉ là trình bày.

[6] Đối với bà P xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi dứt nợ, bà T T không thống nhất, nên chưa có cơ sở xem xét.

Từ những nhận định, chấp nhận yêu cầu của bà T T do bà H đại diện. Buộc bà P trả cho bà T T 200.000.000 đồng tiền vay còn nợ.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà T T do bà H đại diện, buộc bà P trả cho bà T T 200.000.000 đồng tiền vay còn nợ. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí:

8.1. Bà P phải chịu 10.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do bà P là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí.

8.2. Trả lại cho bà T T 5.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo lai số 0001361 ngày 21/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.N.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015, Điều 12, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Nguyễn T T do bà Lý Lệ H đại diện.
2. Buộc bà Huỳnh Thị P trả cho bà Đỗ Nguyễn T T 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền vay còn nợ.
3. Về án phí:
  - 3.1. Bà Huỳnh Thị P được miễn nộp tiền ứng án phí dân sự sơ thẩm, do bà là người cao tuổi.
  - 3.2. Trả lại cho bà Đỗ Nguyễn T T 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo lai số 0001361 ngày 21/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.N.
4. Về nghĩa vụ thi hành án:
  - 4.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
  - 4.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.
5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện H.N;
- THADS huyện H.N;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Chí D**